

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH; SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN A: DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, SỞ CÔNG THƯƠNG

I. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH (05 thủ tục)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (01 thủ tục)					
1	1.001335	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 và Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28/12/2023 của Bộ Công Thương.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
II	Lĩnh vực Thương mại điện tử (03 thủ tục)					
2	1.002968	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng thương mại điện tử (TMĐT) bán hàng	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác do thương nhân, tổ chức, cá nhân gửi qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013; Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 và Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014; Thông tư 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 và Thông tư 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022 của Bộ Công Thương.
3	1.000758	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về website TMĐT bán hàng				
4	1.000799	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác của thương nhân, tổ chức.			- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013; Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 và Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
III	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (01 thủ tục)					
5	1.000421	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Theo quy định của Bộ Tài chính	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 và Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương.

II. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH (17 thủ tục)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện (01 thủ tục)					
1	2.001384	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định: - Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt.	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
			- Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, UBND tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới.			
II Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (01 thủ tục)						
2	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ
III Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (01 thủ tục)						
3	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
						31/12/2024; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024; Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương.
IV	Lĩnh vực Điện (03 thủ tục)					
4	1.013411	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp tỉnh	14 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Theo quy định tại: Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, thay thế.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ cấp xã	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 và Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
5	1.013412	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp tỉnh				
6	0.013416	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp tỉnh				

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
V	Lĩnh vực Hóa chất (09 thủ tục)					
7	2.001547	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Hóa chất ngày 21/11/ 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
8	2.001175	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
9	2.001172	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.			
10	1.002758	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có				

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
		điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp				
11	2.001161	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Hóa chất ngày 21/11/ 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
12	2.000652	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.			
13	1.011506	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.			
14	1.011507	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
15	1.011508	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính	Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Hóa chất ngày 21/11/ 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
VI	Lĩnh vực Công nghiệp nặng (01 thủ tục)					
16	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật, công chứng. Bên ngoài hồ sơ ghi đầy đủ các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xác nhận ưu đãi. b) Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi của doanh nghiệp, trong vòng 05 ngày làm việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. c) Sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định. - Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 ; Thông tư số 19/2021/TT-BCT ngày 23/11/2021 của Bộ Công Thương.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
			nhận được yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền, nếu doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi không thực hiện việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung không đầy đủ, hợp lệ thì cơ quan có thẩm quyền dừng việc xử lý hồ sơ. d) Sau khi doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần làm rõ thông tin được cung cấp trong hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở hoặc có văn bản yêu cầu giải trình thông tin của hồ sơ. đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, các giải trình thông tin hồ sơ của doanh nghiệp và kết quả kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy xác nhận ưu đãi cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ phức tạp, cần thêm thời gian để thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi có thể gia hạn nhưng tối đa không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Việc gia hạn phải thông báo bằng			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
			văn bản và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi.			
VII Lĩnh vực Cụm công nghiệp (01 thủ tục)						
17	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 32/2014/NĐ-CP, trong đó thời hạn giải quyết: - Bước 1: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đầu tiên của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, UBND cấp xã có trách nhiệm thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Thời hạn nhận hồ sơ trong vòng 15 ngày kể từ ngày ra thông báo thực hiện. - Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp. UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập 02 bộ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp theo quy định	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 và Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ Công Thương.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
			tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp kèm tệp tin điện tử của hồ sơ, gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định. - Bước 3: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương hoàn thành thẩm định, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp. Trường hợp hồ sơ, nội dung Báo cáo thành lập/mở rộng cụm công nghiệp không đáp ứng yêu cầu, Sở Công Thương có văn bản gửi UBND cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. - Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được 01 bộ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp kèm báo cáo thẩm định của Sở Công Thương, UBND tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (bao gồm việc giao chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp). Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.			

III. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Danh mục TTHC UBND tỉnh ủy quyền giải quyết cho Giám đốc Sở Công Thương tại Quyết định số 01153/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 (18 thủ tục)					
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (03 thủ tục)						
1	1.004021	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 /2/ 2020; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
2	1.003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (02 thủ tục)						
4	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018; Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 và
5	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	Trung tâm Phục vụ hành	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
		nước ngoài			chính công tỉnh/ cấp xã	ngày 12/6/2025 của Chính phủ
Lĩnh vực Kinh doanh khí (09 thủ tục)						
6	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ cấp xã	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
7	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
8	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG				
9	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
10	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
11	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG				
12	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
13	2.000146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
14	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG				
Lĩnh vực An toàn thực phẩm (02 thủ tục)						
15	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Tung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 và Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ. - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 và Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương.
16	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
			hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ. - Trường hợp chuyển cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. - Trường hợp chuyển cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp (02 thủ tục)						
17	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	- Đối với trường hợp huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho người quản lý + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND tỉnh phải thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; + Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra, UBND tỉnh phải tổ chức huấn luyện, kiểm tra. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, UBND tỉnh thực hiện cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp. - Đối với trường hợp kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho người liên quan đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ người quản lý + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ,	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024; Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
			UBND tỉnh phải thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; + Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kế hoạch kiểm tra, UBND tỉnh phải tổ chức kiểm tra; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, UBND tỉnh thực hiện cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.			
18	2.000210	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND tỉnh cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024;

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
						Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương.
Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (02 thủ tục)						
19	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;
20	1.001104	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu				- Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 và Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
II	Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (15 thủ tục)					
1	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Thương mại ngày 14/6/2002; Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; Luật đầu tư ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016. - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018; Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
2	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Thương mại ngày 14/6/2002; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016. - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
3	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
4	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Thương mại ngày 14/6/2002; Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; Luật đầu tư ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016.
5	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
6	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
7	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
8	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
9	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm	28 ngày làm việc và 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
		tra nhu cầu kinh tế (ENT)				
10	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Thương mại ngày 14/6/2002; Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; Luật đầu tư ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016.
11	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
12	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
13	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	28 ngày làm việc và 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
14	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Luật Thương mại ngày 14/6/2002; Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; Luật đầu tư ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016.
15	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

PHẦN B. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (03 thủ tục)					
1	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ cấp xã	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 và Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
2	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
II	Lĩnh vực Kinh doanh khí (03 thủ tục)					
4	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ cấp xã	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 và Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
5	2.001261	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
6	2.001270	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

PHẦN C. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1		Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính	Phát triển và quản lý chợ	UBND tỉnh
2	2.001293	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	An toàn thực phẩm	UBND tỉnh
3	2.001278	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	An toàn thực phẩm	UBND tỉnh